ĐẠI HỌC HUẾ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT

KPUI H'BLÊ

PHÁP LUẬT VỀ HÒA GIẢI THƯƠNG MẠI TẠI CÁC TỔ CHỨC HÒA GIẢI THƯƠNG MẠI Ở VIỆT NAM

Ngành: Luật Kinh tế

Mã số: 8380107

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT KINH TẾ

THỪA THIÊN HUẾ, năm 2023

Công trình được hoàn thành tại:
Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: **TS. HỒ THỊ VÂN ANH**

Phản biện 1: .....:.....
Phản biện 2: .....

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ họp tại: Trường Đại học Luật
Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng ..... năm.....

Trường Đại học Luật, Đại học Huế

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU 1
1. Tính cấp thiết của đề tài 1
2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài 2
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu đề tài 3
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu 4
5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu 4
6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn 5
7. Kết cấu của luận văn 5
CHƯƠNG 1. LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ HÒA GIẢI THƯƠNG MẠI TẠI CÁC TỔ CHỨC HÒA GIẢI THƯƠNG MẠI Ở VIỆT NAM 6
1.1. Khái quát về hòa giải thương mại tại các tổ chức hòa giải thương mại 6
1.1.1. Khái niệm, đặc điểm của hòa giải thương mại 6
1.1.2. Khái niệm, đặc điểm của tổ chức hòa giải thương mại 7
1.1.3. Vai trò của hòa giải thương mại trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế..... 7
1.2. Pháp luật về hòa giải thương mại tại các tổ chức hòa giải thương mại..... 7
1.2.1. Khái niệm pháp luật về hòa giải thương mại tại các tổ chức hòa giải thương mại 7
1.2.2. Nội dung cơ bản của pháp luật về hòa giải thương mại tại các tổ chức hòa giải thương mại 7
1.3. Các yếu tố tác động đến pháp luật về hòa giải thương mại tại các tổ chức hòa giải thương mại 9
TIỂU KẾT CHƯƠNG 1 10
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ HÒA GIẢI THƯƠNG MẠI TẠI CÁC TỔ CHỨC HÒA GIẢI THƯƠNG MẠI Ở VIỆT NAM 11
2.1. Thực trạng pháp luật về hòa giải thương mại tại các tổ chức hòa giải thương mại ở Việt Nam 11
2.1.1. Quy định về hòa giải viên thương mại 11
2.1.2. Quy định về tổ chức hoà giải thương mại 12

2.1.3. Quy định về giải quyết tranh chấp bằng hòa giải thương mại 13
2.1.4. Quy định về vai trò của Nhà nước đối với hòa giải thương mại 15
2.1.5. Đánh giá pháp luật về hòa giải thương mại tại các tổ chức hòa giải thương mại ở Việt Nam 15
2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật về hòa giải thương mại tại các tổ chức hòa giải thương mại 17
2.2.1. Kết quả đạt được 17
2.2.2. Những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn thực hiện pháp luật về hòa giải thương mại tại các tổ chức hòa giải thương mại và nguyên nhân 17
TIỂU KẾT CHƯƠNG 2 19
CHƯƠNG 3. ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ HÒA GIẢI THƯƠNG MẠI TẠI CÁC TỔ CHỨC HÒA GIẢI THƯƠNG MẠI Ở VIỆT NAM 20
3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về hòa giải thương mại tại các tổ chức hòa giải thương mại ở Việt Nam 20
3.1.1. Đảm bảo thực hiện đúng chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về chiến lược cải cách tư pháp và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường 20
3.1.2. Đảm bảo phù hợp với đòi hỏi từ thực tiễn và xu thế hội nhập kinh tế quốc tế .. 20
3.1.3. Đảm bảo tôn trọng các nguyên tắc cơ bản trong hoạt động hoà giải thương mại ... 20
3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về hòa giải thương mại tại các tổ chức hòa giải thương mại 20
3.2.1. Hoàn thiện các quy định về hòa giải viên thương mại 20
3.2.2. Hoàn thiện các quy định về tổ chức hòa giải thương mại 20
3.2.3. Hoàn thiện các quy định về giải quyết tranh chấp bằng hòa giải thương mại 20
3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về hòa giải thương mại tại các tổ chức hòa giải thương mại 21
TIỂU KẾT CHƯƠNG 3 22
KẾT LUẬN 23
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO 24

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong bối cảnh của xu thế hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng hiện nay, các hoạt động kinh tế của Việt Nam đang từng bước phát triển nhanh chóng và mạnh mẽ. Với việc là thành viên của Tổ chức thương mại thế giới (WTO), ký kết các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới với mức cam kết toàn diện, Việt Nam đang dần trở thành một trong những đối tác tiềm năng của các quốc gia trong quan hệ hợp tác về thương mại và đầu tư. Vì vậy, Nhà nước ta đang nỗ lực tạo lập một nền kinh tế năng động và hiện đại, rà soát và bổ sung hệ thống pháp luật để đảm bảo tương thích với sự phát triển và hội nhập ấy. Mà một trong số đó là việc quan tâm phát triển các phương thức giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại. Bởi lẽ, sự gia tăng của các hoạt động hợp tác kinh tế sẽ dẫn đến hậu quả tất yếu là sự phát sinh của các tranh chấp giữa các chủ thể liên quan, đặc biệt là các tổ chức, cá nhân tham gia vào hoạt động thương mại, với số lượng ngày càng nhiều và diễn biến phức tạp hơn. Thông thường các tranh chấp thương mại sẽ được giải quyết thông qua các phương thức như thương lượng, hòa giải, tố tụng trọng tài hoặc tố tụng tòa án. Mỗi phương thức đều có những đặc trưng riêng phù hợp với từng loại tranh chấp cần giải quyết. Trong đó, hòa giải đang trở thành một phương thức giải quyết tranh chấp thương mại được ưu tiên áp dụng tại nhiều quốc gia trên thế giới. Ở Việt Nam, hòa giải thương mại, mặc dù không còn là một phương thức giải quyết tranh chấp mới mẻ, song việc sử dụng phương thức giải quyết tranh chấp thông qua hòa giải thương mại vẫn chưa phổ biến. Tuy nhiên, nhận thức rõ về xu thế của thế giới trong giải quyết các tranh chấp thương mại cũng như những ưu điểm của phương thức hòa giải, Chính phủ Việt Nam luôn quan tâm đến việc phát triển những phương thức giải quyết tranh chấp ngoài tòa án như hòa giải hay trọng tài. Chủ trương thúc đẩy việc sử dụng các phương thức giải quyết tranh chấp ngoài Toà án nhằm giảm tải cho hệ thống Toà án, cũng như nhằm đa dạng hoá các phương thức giải quyết tranh chấp kinh doanh, đã được thể hiện rõ ở Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 2/6/2005 về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020: "Khuyến khích việc giải quyết một số tranh chấp thông qua thương lượng, hòa giải, trọng tài; Tòa án hỗ trợ bằng quyết định công nhận việc giải quyết đó".

Nghị định số 22/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định về hoà giải thương mại là một bước nội luật hoá cam kết mở cửa dịch vụ hoà giải đã ký kết với WTO về việc cho phép hiện diện thương mại với hoạt động dịch vụ hoà giải dưới hình thức các tổ chức hòa giải thương mại. Sự ra đời của Nghị định số 22/2017/NĐ-CP đã mở ra một cánh cửa rộng lớn đối với hoạt động hòa giải thương mại tại các tổ chức hòa giải thương mại như một phương thức giải quyết tranh chấp độc lập bên cạnh tố tụng trọng tài và tố tụng tòa án. Xây dựng khung pháp lý cho hoạt động hoà giải thương mại cũng giúp hệ thống pháp luật Việt Nam phù hợp với pháp luật quốc tế, cụ thể như Luật mẫu về hoà giải thương mại quốc tế của Uỷ ban pháp luật thương mại quốc tế của Liên hợp quốc (2002, sửa đổi bổ sung năm 2018) và pháp luật một số quốc gia khác trên thế giới. Mặc dù vậy, việc tiếp tục nghiên cứu, hoàn

thiện pháp luật về hoà giải thương mại tại Việt Nam trong giai đoạn hiện nay là phù hợp với nhu cầu phát triển, chủ trương hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường ở nước ta và xu hướng hội nhập quốc tế.

Với những lý do đó, học viên lựa chọn đề tài "Pháp luật về hòa giải thương mại tại các tổ chức hòa giải thương mại ở Việt Nam" làm đề tài Luận văn thạc sĩ của mình. Với nghiên cứu này, học viên mong muốn góp phần làm rõ hơn những vấn đề pháp lý liên quan đến hoạt động hòa giải thương mại tại các tổ chức hoà giải thương mại hiện nay.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Các công trình nghiên cứu về chế định hòa giải thương mại đã được các học giải tiếp cận dưới nhiều khía cạnh khác nhau những vấn đề lý luận về hoạt động hòa giải thương mại nói chung bao gồm cả hòa giải trong tố tụng và hòa giải ngoài tố tụng, một số khía cạnh pháp lý cơ bản liên quan đến chế định hòa giải thương mại… Có thể kể đến các công trình tiêu biểu như sau:

- Hoàng Minh Khôi, Hoàng Bảo Ngọc (2016), Các nội dung về bảo mật trong hòa giải thương mại ngoài tòa án theo Luật mẫu UNCITRAL và Luật Hòa giải thống nhất của Hoa Kỳ, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 13/2016: Bài viết đã nghiên cứu những quy định về vấn đề bảo mật – một trong những ưu điểm lớn nhất của hòa giải thương mại dưới cơ chế của Luật mẫu UNCITRAL và Luật Hòa giải thống nhất của Hoa Kỳ, từ đó rút ra một số kinh nghiệm cho việc xây dựng các quy định về hòa giải thương mại tại Việt Nam.

- Lê Thị Anh Xuân (2016), Công nhận kết quả hòa giải thành ngoài tòa án và một số vấn đề cần hoàn thiện về cơ chế giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải ngoài tòa án, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 9/2016: Tác giả đã phân tích khái niệm và các loại hình hòa giải tranh chấp thương mại trong hệ thống pháp luật Việt Nam; hòa giải với vai trò là một biện pháp giải quyết tranh chấp thay thế trong hệ thống tư pháp hiện đại vấn đề về hoàn thiện thể chất và các thiết chế tương ứng đảm bảo vận hành cơ chế hòa giải hiệu quả tại Việt Nam.

- Nguyễn Quỳnh Hoa (2018), Luận văn thạc sĩ "Thực trạng pháp luật về phương thức hòa giải các tranh chấp thương mại ở Việt Nam", bảo vệ tại Trường Đại học Luật Hà Nội: Luận văn trình bày một số vấn đề lí luận và pháp luật về hòa giải tranh chấp thương mại. Phân tích thực trạng pháp luật về hòa giải các tranh chấp thương mại và thực tiễn thi hành tại Việt Nam; từ đó đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về vấn đề này.

- Đoàn Trung Kiên, Nguyễn Thị Vân Anh (2019), Pháp luật về hòa giải thương mại ở Việt Nam – Một số vấn đề cần hoàn thiện, Tạp chí Nghề Luật, số 5/2019: Trong bài viết, các tác giả đã nghiên cứu phân tích các bất cập trong thực tiễn thi hành pháp luật về hòa giải thương mại ở Việt Nam như: qui định về hòa giải viên thương mại, Trung tâm hòa giải thương mại và trình tự, thủ tục hòa giải thương mại.

- Hà Thị Nga (2022), Luận văn thạc sĩ "Hòa giải tranh chấp thương mại trên địa bàn tỉnh Sơn La", bảo vệ tại Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội: Qua nghiên cứu thực trạng hòa giải tranh chấp thương mại trên địa bàn tỉnh Sơn La, Luận văn đã rút ra nhưng giải pháp hoàn thiện pháp luật hòa giải thông qua sửa đổi Bộ Luật

Tố tụng 2015 và các luật có liên quan. Đồng thời, Luận văn cũng đề xuất các các giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật hòa giải trên địa bàn tỉnh Sơn La.

- Bùi Hồng Quân (2022), Thực trạng pháp luật về hòa giải thương mại tại Việt Nam và một số giải pháp hoàn thiện, Tạp chí khoa học Trường Đại học Mở Hà Nội, số 90/2022. Tác giả đã phân tích những quy định của Nghị định số 22/2017/NĐ-CP về hòa giải thương mại trong mối tương quan so sánh với pháp luật của một số quốc gia trên thế giới, đồng thời đánh giá thực trạng các quy định này và đề xuất một số vấn đề kiến nghị nhằm hoàn hiện pháp luật liên quan.

- Lê Hương Giang (2018), Đánh giá quy định pháp luật hiện hành về hòa giải viên thương mại ở Việt Nam, Tạp chí Khoa học pháp lý, số 09/2018. Bài viết đánh giá qui định pháp luật hiện hành về hòa giải viên thương mại ở Việt Nam dưới hai khía cạnh là qui định về điều kiện hành nghề và nội dung hoạt động nghề nghiệp của hòa giải viên thương mại.

- Lê Nguyễn Gia Thiện, Nguyễn Thị Thùy Linh (2018), Hòa giải thương mại và thi hành thỏa thuận hòa giải thành ở Cộng hòa Liên bang Đức, Tạp chí Dân chủ và pháp luật, Số 5/2018. Bài viết tìm hiểu về hòa giải thương mại và thi hành thỏa thuận hòa giải thành từ kinh nghiệm của Cộng hòa Liên bang Đức.

- Trần Thị Kim Anh (2018), Luận văn thạc sĩ "Giải quyết tranh chấp thương mại bằng phương thức hòa giải ngoài tố tụng ở Việt Nam", bảo vệ tại Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội: Luận văn nghiên cứu những vấn đề về lý luận và thực tiễn thi hành pháp luật về giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải ngoài tố tụng. Luận văn nêu ra được những bất cập đang tồn tại trong thực tiễn áp dụng pháp luật về giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải ngoài tố tụng rồi từ đó đưa ra những định hướng, giải pháp nhằm khắc phục những mặt tiêu cực đó.

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu trên đây đã tiếp cận đến một số vấn đề lý về hòa giải thương mại và pháp luật về hòa giải thương mại tại Việt Nam hiện nay. Tiếp tục nghiên cứu sâu hơn về chế định hòa giải thương mại tại các tổ chức hòa giải thương mại Việt Nam, Luận văn sẽ kế thừa những kết quả nghiên cứu của những công trình này từ khía cạnh lý luận như khái niệm, đặc điểm, vai trò, ý nghĩa của hoạt động hòa giải thương mại và khía cạnh pháp luậtk như các quy định của pháp luật hiện hành về hòa giải thương mại (ví dụ các quy định của Nghị định số 22/2017/NĐ-CP về hòa giải thương mại…). Trên cơ sở đó, Luận văn sẽ phát triển thêm những hướng nghiên cứu mới liên quan đến đề tài. Các công trình nghiên cứu này chủ yếu tiếp cận chế định hòa giải ở phạm vi rộng, chưa có công trình nào tập trung nghiên cứu hoạt động hòa giải thương mại tại các tổ chức hòa thương mại, do đó hướng nghiên cứu của Luận văn sẽ đóng góp những tri thức mới trong lĩnh vực cụ thể này.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu đề tài

3.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu của Luận văn là hệ thống hoá và làm sâu sắc thêm lý luận về hoà giải thương mại; nghiên cứu, đánh giá thực trạng pháp luật về hoà giải thương mại tại các tổ chức hòa giải thương mại ở Việt Nam; từ đó đưa ra các đóng góp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về hoà giải thương mại tại các tổ chức hòa giải thương mại ở Việt Nam.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Với mục đích như trên, nhiệm vụ nghiên cứu của luận văn là:

- Hệ thống, nghiên cứu, đánh giá các quan điểm pháp lý về hoà giải thương mại, từ đó nêu được khái niệm, phân tích đặc điểm pháp lý của hoà giải thương mại, xác định các yếu tố chi phối pháp luật về hoà giải thương mại gắn với bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, xác định hình thức và nội dung pháp luật về hoà giải thương mại;

- Tổng hợp, phân tích, đánh giá ưu điểm và hạn chế các quy định pháp luật hiện hành của Việt Nam về hoà giải thương mại tại các tổ chức hòa giải thương mại trong mối tương quan so sánh với pháp luật của các quốc gia điển hình về hoà giải thương mại như Đức, Singapore, Úc và quy định của Luật mẫu UNCITRAL.

- Đề xuất các giải pháp để hoàn thiện pháp luật về hoà giải thương mại tại các tổ chức hòa giải thương mại ở Việt Nam trên cơ sở những định hướng cụ thể, và các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về về hoà giải thương mại tại các tổ chức hòa giải thương mại ở Việt Nam.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Một là, các vấn đề lý luận về hòa giải thương mại và hòa giải thương mại tại các tổ chức hòa giải thương mại

Hai là, các quy định pháp luật hiện hành về hoà giải thương mại tại các tổ chức hòa giải thương mại ở Việt Nam, một số quy định về hoà giải thương mại của Luật mẫu UNCITRAL về hoà giải thương mại quốc tế và một số quốc gia điển hình trên thế giới.

Ba là, thực tiễn thi hành pháp luật về hòa giải thương mại tại các tổ chức hòa giải thương mại ở Việt Nam: Những kết quả đạt được và những vấn đề hạn chế còn tồn tại.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi về nội dung: Các vấn đề lý luận và nội dung pháp luật về hòa giải thương mại tại các tổ chức hòa giải thương mại.

- Phạm vi về thời gian: Luận văn nghiên cứu thực tiễn thi hành pháp luật về hòa giải thương mại tại các tổ chức hòa giải thương mại trong giai đoạn kể từ năm 2015 đến năm 2022.

- Phạm vi về không gian: Luận văn nghiên cứu thực tiễn thi hành pháp luật về hòa giải thương mại tại các tổ chức hòa giải thương mại trên phạm vi cả nước.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Để làm sáng tỏ mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu, Luận văn được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác – Lênin, trong đó trọng tâm dựa trên phương pháp duy vật biện chứng và phương pháp duy vật lịch sử để nghiên cứu các vấn đề lý luận về hòa giải thương mại.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu, Luận văn cũng sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể sau đây:

- Luận văn sử dụng phương pháp hệ thống hoá và phân tích làm sâu sắc thêm một số vấn đề lý luận về hoà giải thương mại bao gồm các khái niệm, đặc điểm pháp lý của hoà giải thương mại, khái niệm pháp luật hoà giải thương mại, quá trình hình thành, hình thức và nội dung pháp luật hoà giải thương mại ở Việt Nam.

- Luận văn sử dụng phương pháp phân tích để đưa ra các bình luận quy định pháp luật hiện hành của Việt Nam về hòa giải thương mại tại các tổ chức hòa giải thương mại, bao gồm các quy định như về các vấn đề hoà giải viên thương mại, tổ chức hoà giải thương mại, giải quyết tranh chấp bằng hoà giải thương mại và sự quản lý, hỗ trợ của Nhà nước với hoạt động hoà giải thương mại.

- Luận văn sử dụng phương pháp so sánh luật để làm rõ mức độ hội nhập của pháp luật về hoà giải thương mại của Việt Nam so với Luật mẫu của UNCITRAL và pháp luật của một số quốc gia điển hình như Đức, Singapore, Úc.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn

- Ý nghĩa khoa học: Luận văn đóng góp những kết quả nghiên cứu cụ thể về các vấn đề lý luận và pháp luật về hòa giải thương mại tại các tổ chức hòa giải thương mại, từ đó góp phần làm dày thêm khối lượng kiến thức trong khoa học pháp lý nói chung và lĩnh vực pháp luật về kinh doanh – thương mại nói riêng.

- Ý nghĩa thực tiễn: Luận văn là nguồn tài liệu hữu ích đối với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc đánh giá hiệu quả của các quy định pháp luật về hòa giải thương mại tại các tổ chức hòa giải thương mại, làm cơ sở cho việc hoàn thiện pháp liên quan. Ngoài ra, Luận văn còn là nguồn tài liệu có giá trị đối với các cơ sở nghiên cứu khoa học, giảng dạy, học tập về hòa giải thương mại và pháp luật về hòa giải thương mại.

7. Kết cấu của luận văn

Nội dung của Luận văn bao gồm 03 chương như sau:

Chương 1: Lý luận và pháp luật về hòa giải thương mại tại các tổ chức hòa giải thương mại ở Việt Nam

Chương 2: Thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật về hòa giải thương mại tại các tổ chức hòa giải thương mại ở Việt Nam

Chương 3: Định hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về hòa giải thương mại tại các tổ chức hòa giải thương mại ở Việt Nam

CHƯƠNG 1
LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ HÒA GIẢI THƯƠNG MẠI TẠI CÁC TỔ CHỨC HÒA GIẢI THƯƠNG MẠI Ở VIỆT NAM

1.1. Khái quát về hòa giải thương mại tại các tổ chức hòa giải thương mại

1.1.1. Khái niệm, đặc điểm của hòa giải thương mại

** Khái niệm "hòa giải thương mại":*

Khái niệm hòa giải được tiếp cận dưới nhiều góc độ khác nhau, cụ thể như sau:

Thứ nhất, ở góc độ học thuật

Khái niệm về hoà giải đã được sử dụng để diễn tả một phương thức giải quyết tranh chấp trên tinh thần thiện chí và có sự tham gia hỗ trợ của một bên thứ ba. "Thuật ngữ hoà giải được sử dụng không chỉ để để miêu tả việc giải quyết tranh chấp giữa cá nhân với cá nhân mà còn là việc giải quyết tranh chấp giữa các nhóm lợi ích, giữa các dân tộc hoặc các quốc gia với nhau để tìm kiếm tiếng nói chung, tạo lập hoà bình"[1].

Thứ hai, dưới góc độ pháp lý

Nghị định số 22/2017/NĐ-CP đã đưa ra khái niệm trực tiếp như sau: "Hòa giải thương mại là phương thức giải quyết tranh chấp thương mại do các bên thỏa thuận và được hòa giải viên thương mại làm trung gian hòa giải hỗ trợ giải quyết tranh chấp theo quy định của Nghị định này" (Khoản 1 Điều 3).

Từ những phân tích trên, có thể hiểu khái niệm hòa giải thương mại như sau:

"Hòa giải thương mại là phương thức giải quyết các tranh chấp kinh doanh thương mại mang tính chất bảo mật và tự nguyện do các bên lựa chọn, với sự tham gia của bên thứ ba làm trung gian hòa giải (gọi là hòa giải viên thương mại) nhằm trợ giúp các bên tranh chấp đạt được một sự đồng thuận trên cơ sở tự quyết".

** Đặc điểm của hòa giải thương mại:*

Hòa giải thương mại có một số đặc điểm cụ thể như sau:

Một là, hòa giải thương mại là phương thức giải quyết tranh chấp mang tính chất lựa chọn và độc lập

Hai là, quá trình hòa giải thương mại có sự tham gia của một bên thứ ba trung lập – hòa giải viên thương mại

Ba là, mục đích khi sử dụng hoà giải thương mại là việc các bên tranh chấp mong muốn đạt được một kết quả đồng thuận trên cơ sở tự quyết

Bốn là, thủ tục giải quyết tranh chấp bằng hòa giải thương mại mang tính chất linh hoạt, thân thiện và bảo mật với các bên

Năm là, kết quả hòa giải thương mại thành được Tòa án công nhận giá trị pháp lý

[1] Lê Thị Hoàng Thanh (2012), Chuyên đề "Hoàn thiện cơ chế hoà giải ở Việt Nam, bài học từ kinh nghiệm các nước", Thông tin Khoa học pháp lý, Viện khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp, số 9&10/2012.

1.1.2. Khái niệm, đặc điểm của tổ chức hòa giải thương mại

Pháp luật Việt Nam hiện hành không có bất kỳ định nghĩa nào về tổ chức hòa giải thương mại. Theo quy định của Nghị định số 22/2017/NĐ-CP, tổ chức hòa giải thương mại bao gồm (1) Trung tâm hòa giải thương mại được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật và (2) Trung tâm trọng tài được thành lập và hoạt động theo pháp luật về trọng tài thương mại thực hiện hoạt động hòa giải thương mại.

Như vậy, tổ chức hòa giải thương mại là một tổ chức có tư cách pháp nhân, được thành lập theo các quy định của pháp luật nhằm mục đích cung cấp dịch vụ hòa giải đối với các tranh chấp kinh doanh thương mại.

Tổ chức hòa giải thương mại có những đặc trưng cơ bản sau đây:

Một là, tổ chức hoà giải là một tổ chức chuyên nghiệp trong lĩnh vực giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại.

Hai là, tổ chức hoà giải là một tổ chức tư, không có chức năng kinh doanh, không hoạt động dưới tư cách doanh nghiệp.

Ba là, tổ chức hoà giải thương mại là tổ chức có chức năng cung cấp dịch vụ hỗ trợ các bên (chủ yếu là thương nhân) trong quá trình giải quyết tranh chấp, không đóng vai trò là bên đại diện cho công quyền để xét xử (tài phán công- Toà án) hay một tổ chức tư có quyền đưa ra phán quyết (tài phán tư- Trọng tài).

1.1.3. Vai trò của hòa giải thương mại trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế

Hòa giải thương mại đóng vai trò rất quan trọng trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam hiên nay, thể hiện ở một số khía cạnh sau đây:

Thứ nhất, hoà giải thương mại góp phần nâng cao mức độ đảm bảo quyền tự do kinh doanh cho các thương nhân tại thị trường Việt Nam.

Thứ hai, hoà giải thương mại góp phần giảm tải gánh nặng cho hệ thống Toà án.

Thứ ba, hoà giải thương mại là một công cụ giúp Nhà nước thực hiện chính sách hội nhập kinh tế quốc tế và phát triển kinh tế bền vững

1.2. Pháp luật về hòa giải thương mại tại các tổ chức hòa giải thương mại

1.2.1. Khái niệm pháp luật về hòa giải thương mại tại các tổ chức hòa giải thương mại

Có thể hiểu, "pháp luật về hoà giải thương mại tại các tổ chức hòa giải thương mại là tổng thể các quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành hoặc thừa nhận để điều chỉnh quan hệ hoà giải các tranh chấp kinh doanh, thương mại tại các tổ chức hòa giải thương mại".

1.2.2. Nội dung cơ bản của pháp luật về hòa giải thương mại tại các tổ chức hòa giải thương mại

Ở Việt Nam, nội dung cơ bản của pháp luật về hòa giải thương mại tại các tổ chức hòa giải thương mại bao gồm những vấn đề cơ bản sau đây:

Thứ nhất, chủ thể thực hiện hòa giải thương mại

Theo quy định của Nghị định số 22/2017/NĐ-CP, chủ thể thực hiện hoạt động hòa giải thương mại bao gồm tổ chức hòa giải thương mại và hòa giải viên thương mại.

(i) Tổ chức hòa giải thương mại

Theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 22/2017/NĐ-CP, tổ chức hòa giải thương mại bao gồm trung tâm hòa giải thương mại và trung tâm trọng tài thực hiện hoạt động hòa giải thương mại.

(ii) Hòa giải viên thương mại

Tại Việt Nam, hoà giải viên thương mại được chính thức, lần đầu tiên ghi nhận tại Nghị định số 22/2017/NĐ-CP với cách hiểu "hòa giải viên thương mại bao gồm hòa giải viên thương mại vụ việc và hòa giải viên thương mại của tổ chức hòa giải thương mại được các bên lựa chọn hoặc được tổ chức hòa giải thương mại chỉ định theo đề nghị của các bên để hỗ trợ các bên giải quyết tranh chấp theo quy định của Nghị định này"[2].

Thứ hai, các nguyên tắc giải quyết tranh chấp bằng hòa giải thương mại

Điều 4 Nghị định 22/2017/NĐ-CP quy định, nguyên tắc giải quyết tranh chấp bằng hòa giải thương mại bao gồm:

"1. Các bên tranh chấp tham gia hòa giải hoàn toàn tự nguyện và bình đẳng về quyền và nghĩa vụ.

2. Các thông tin liên quan đến vụ việc hòa giải phải được giữ bí mật, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận bằng văn bản hoặc pháp luật có quy định khác.

3. Nội dung thỏa thuận hòa giải không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ, không xâm phạm quyền của bên thứ ba."

Thứ ba, trình tự, thủ tục hòa giải thương mại tại các tổ chức hòa giải thương mại

Nghị định số 22/2017/NĐ-CP của Việt Nam có quy định về trình tự thủ tục tiến hành hoà giải tại Điều 14. Sau khi đã đáp ứng được một thoả thuận hoà giải hợp pháp thì các bước tiến hành hoà giải được bắt đầu theo trình tự sau:

(i) Các bên tranh chấp lựa chọn/ chỉ định hoà giải viên và xác định trình tự, thủ tục hoà giải.

(ii) Tiến hành hòa giải. Hoà giải viên cần tập hợp các hồ sơ, thu thập thông tin, ý kiến của các bên về diễn biến, tình tiết của tranh chấp. Hoà giải viên có thể yêu cầu các bên nộp các chứng minh, chứng cứ cần thiết, giải trình về vụ việc nhưng không được ép buộc các bên, đồng thời phải cam kết giữ bí mật các thông tin này. Sau đó, hoà giải viên tiến hành tổ chức phiên hoà giải trên cơ sở thống nhất thời gian, địa điểm với các bên.

(iii) Kết thúc hòa giải. Quá trình hoà giải thương mại có thể được kết thúc trong những trường hợp sau: Các bên đạt được kết quả hoà giải thành; khi hoà giải viên thương mại xét thấy không cần thiết tiếp tục thực hiện hoà giải, sau khi tham khảo ý kiến của các bên; theo đề nghị của một hoặc các bên tranh chấp (Điều 17 Nghị định 22/2017/NĐ-CP).

Thứ tư, quản lý Nhà nước đối với hoạt động hòa giải thương mại

(i) Chính phủ giao thẩm quyền quản lý thống nhất về hoà giải thương mại cho Bộ Tư pháp. Bộ Tư pháp là cơ quan giúp Chính phủ thực hiện thống nhất quản lý nhà nước về hòa giải thương mại trong phạm vi cả nước.

[2] Khoản 3 Điều 3 Nghị định số 22/2017/NĐ-CP.

(ii) Chính phủ phân cấp thẩm quyền cho Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện quản lý hoà giải thương mại ở địa phương.

1.3. Các yếu tố tác động đến pháp luật về hòa giải thương mại tại các tổ chức hòa giải thương mại

Thứ nhất, yếu tố chủ trương, chính sách của Đảng

Chủ trương, chính sách của Đảng chính là cơ sở nền tảng của các quy phạm pháp luật. Theo đó, các chủ trương, chính sách của Đảng là kim chỉ nam cho phương hướng xây dựng và phát triển quan hệ hòa giải thương mại tại các tổ chức hòa giải thương mại trong bối cảnh hiện nay.

Thứ hai, yếu tố truyền thống và nhu cầu của xã hội

Những yếu tố về mặt truyền thống và trình độ phát triển của văn hoá xã hội sẽ ảnh hưởng rất lớn đến hành vi của thương nhân trên thị trường, đồng thời cũng ảnh hưởng tới việc lựa chọn và giải quyết các xung đột giữa các thương nhân.

Thứ ba, yếu tố bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế

Trước những tác động mạnh mẽ của xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế, pháp luật Việt Nam về hòa giải thương mại tại các tổ chức hòa giải thương mại sẽ được thúc đẩy bởi sự đòi hỏi và chi phối trong mối quan hệ kinh tế quốc tế.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 1

Hòa giải thương mại tại các tổ chức hòa giải thương mại là một phương thức giải quyết tranh chấp độc lập bên cạnh Tòa án và Trọng tài. Với đặc trưng của một phương thức giải quyết tranh chấp lựa chọn mang tính mềm dẻo, linh hoạt và bảo mật, hòa giải thương mại đang dần trở thành xu thế để giải quyết những mâu thuẫn phát sinh giữa các chủ thể kinh doanh trong chế độ kinh tế thị trường và sẽ ngày càng phát triển cùng với xu hướng hội nhập kinh tế.

Trong bối cảnh hoạt động giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại ở Việt Nam theo phương thức tố tụng xét xử của Toà án đang bị đánh giá là kéo dài và tốn kém, các chủ thể kinh doanh có xu hướng tìm kiếm những phương thức giải quyết tranh chấp mới, linh hoạt hơn để đáp ứng nhu cầu hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp cũng như thu hút nguồn vốn đầu tư phát triển. Hòa giải thương mại tại các tổ chức hòa giải thương mại được coi là một trong những lựa chọn phù hợp cho các chủ thể kinh doanh trước thực trạng này.

Hoà giải thương mại đang được Việt Nam khuyến khích sử dụng thông qua chính sách, chủ trương của Đảng và Nhà nước, được cụ thể hoá bằng việc Chính phủ ban hành Nghị định số 22/2017/NĐ-CP về hoà giải thương mại để quy định về phạm vi, nguyên tắc, trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp bằng hòa giải thương mại, hòa giải viên thương mại, tổ chức hòa giải thương mại, tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam và quản lý nhà nước về hoạt động hòa giải thương mại. Những quy định này đã tạo ra một hành lang pháp lý ổn định cho hoạt động hòa giải tại các tổ chức hòa giải thương mại ở Việt Nam hiện nay.

Những vấn đề lý luận và tổng quan pháp luật về hòa giải thương mại tại các tổ chức hòa giải thương mại đã được nghiên cứu trong Chương 1 sẽ tạo tiền đề cho việc tiếp tục nghiên cứu, đánh giá các quy định pháp luật thực định tại Việt Nam về hoà giảithương mại là cần thiết để làm rõ những điểm đã phù hợp, tiến bộ và những điểm chưa phù hợp, cần hoàn thiện để giúp hoà giải thương mại thực sự trở thành một công cụ hữu hiệu cho thương nhân trong thị trường.

CHƯƠNG 2
THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ HÒA GIẢI THƯƠNG MẠI TẠI CÁC TỔ CHỨC HÒA GIẢI THƯƠNG MẠI Ở VIỆT NAM

2.1. Thực trạng pháp luật về hòa giải thương mại tại các tổ chức hòa giải thương mại ở Việt Nam

2.1.1. Quy định về hòa giải viên thương mại

2.1.1.1. Quy định về điều kiện hành nghề của hòa giải viên thương mại

(i) Tiêu chuẩn hành nghề của hòa giải viên thương mại

Về tiêu chuẩn định lượng, hoà giải viên phải là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có trình độ đại học trở lên và đã qua thời gian công tác trong lĩnh vực được đào tạo từ 02 năm trở lên. Các tiêu chuẩn định tính bao gồm hoà giải viên phải có đạo đức tốt, có uy tín, độc lập, vô tư, khách quan, có kỹ năng hoà giải, hiểu biết pháp luật, tập quán kinh doanh, thương mại và các lĩnh vực liên quan[3].

(ii) Công nhận tư cách hành nghề hoà giải viên thương mại

Đối với hoà giải viên thương mại vụ việc, tư cách hành nghề được công nhận bằng thủ tục đăng ký hoà giải viên thương mại vụ việc và công bố thông tin bởi Sở tư pháp thành phố trực thuộc Trung ương nơi người đó thường trú, hoặc tạm trú nếu là người nước ngoài (Điều 8 Nghị định 22/2017/NĐ-CP).

Đối với hoà giải thương mại quy chế, tổ chức hoà giải thương mại sẽ tự công nhận tư cách cho hoà giải viên thuộc trung tâm của mình với các tiêu chuẩn tối thiểu theo quy định pháp luật. Sau đó tổ chức này sẽ chịu trách nhiệm gửi danh sách hoà giải viên thương mại cho Bộ Tư pháp để tiến hành công bố theo mẫu số 21/TP-HGTM ban hành kèm theo Thông tư số 02/2018/TT-BTP trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp.

2.1.1.2. Quy định về quyền và nghĩa vụ của hòa giải viên thương mại

(i) Quyền và nghĩa vụ của hoà giải viên thương mại trong hoạt động chuyên môn nghề nghiệp

Với vai trò hoà giải chuyên nghiệp, hoà giải viên thương mại có các quyền trong phạm vi nghề nghiệp của mình như được bảo vệ các quyền lợi trong hoạt động nghề nghiệp, được tham gia vào các tổ chức, hiệp hội về nghề nghiệp, được tham gia vào các hoạt động đào tạo và bồi dưỡng. Tuy nhiên, pháp luật hiện hành không có các quy định rõ ràng, mà chỉ có nhắc đến khi quy định về tổ chức hoà giải thương mại có quyền tổ chức bồi dưỡng, tập huấn về kỹ năng hoà giải cho hoà giải viên thương mại.

(ii) Quyền và nghĩa vụ của hoà giải viên thương mại trong hoạt động giải quyết tranh chấp

* Về các quyền của hoà giải viên thương mại:

Hoà giải viên có quyền chấp nhận hoặc từ chối thực hiện hoạt động hòa giải thương mại (Điểm a khoản 1 Điều 9 Nghị định 22/2017/NĐ-CP).

[3] Khoản 1 Điều 7 Nghị định số 22/2017/NĐ-CP.

Hoà giải viên có quyền từ chối cung cấp thông tin liên quan đến vụ tranh chấp, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận bằng văn bản hoặc theo quy định của pháp luật (Điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định 22/2017/NĐ-CP).

Hoà giải viên có quyền yêu cầu các bên tranh chấp tôn trọng các thoả thuận (ba bên) trong quá trình giải quyết tranh chấp; yêu cầu các bên trình bày đúng sự thật, các tình tiết của tranh chấp, cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến vụ tranh chấp (Điểm a khoản 2 Điều 13 Nghị định 22/2017/NĐ-CP); đưa ra đề xuất phục vụ cho việc giải quyết tranh chấp (Khoản 3 Điều 14 Nghị định 22/2017/NĐ-CP).

* Về nghĩa vụ của hoà giải viên thương mại:

Trong quá trình tham gia vụ việc hoà giải, hoà giải viên có trách nhiệm thực hiện thủ tục hoà giải theo sự thoả thuận của các bên hoặc quy định của trung tâm hoà giải. Trong quá trình giải quyết tranh chấp, hoà giải viên biết được các thông tin về vụ việc, khách hàng thì cũng không được phép tiết lộ, trừ trường hợp được các bên tranh chấp đồng ý bằng văn bản (Khoản 1 Điều 10 Nghị định 22/2017/NĐ-CP).

Bên cạnh đó, hoà giải viên cũng cần giữ vai trò độc lập, thái độ vô tư, khách quan và trung thực trong quá trình giải quyết tranh chấp cho các bên. (Điểm đ khoản 2 Điều 10 Nghị định 22/2017/NĐ-CP).

2.1.2. Quy định về tổ chức hoà giải thương mại

2.1.2.1. Quy định về thành lập, chấm dứt hoạt động tổ chức hoà giải thương mại

(i) Thành lập, chấm dứt hoạt động của Trung tâm hoà giải thương mại

** Thành lập Trung tâm hòa giải thương mại:*

Theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định số 22/2017/NĐ-CP, "Công dân Việt Nam có đủ tiêu chuẩn hòa giải viên thương mại quy định tại Khoản 1 Điều 7 Nghị định này muốn thành lập Trung tâm hòa giải thương mại gửi 01 bộ hồ sơ đến Bộ Tư pháp Trung tâm hoà giải thương mại được thành lập nên bởi cá nhân là công dân Việt Nam có đủ tiêu chuẩn hoà giải viên thương mại theo quy định pháp luật".

Thủ tục thành lập Trung tâm hoà giải trải qua ba bước:

Bước 1: Xin cấp phép thành lập

Bước 2: Đăng ký hoạt động

Bước 3: Hoạt động và công khai thông tin

** Chấm dứt hoạt động của Trung tâm hòa giải thương mại:*

Trung tâm hoà giải thương mại sẽ chấm dứt theo hai lý do như sau: (i) Trung tâm hoà giải tự quyết định chấm dứt hoạt động và (ii) Trung tâm hoà giải thương mại bị thu hồi giấy phép thành lập.

** Chấm dứt hoạt động hoà giải thương mại của Trung tâm trọng tài*

Trung tâm trọng tài chấm dứt hoạt động hoà giải trong các trường hợp: (i) Trung tâm trọng tài chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật trọng tài thương mại; (ii) Trung tâm trọng tài chấm dứt việc thực hiện hoạt động hòa giải thương mại theo Điều lệ của Trung tâm; (iii) Trung tâm trọng tài không tiến hành bất kỳ hoạt động hòa giải thương mại nào trong vòng 05 năm, kể từ ngày quyết

định bổ sung hoạt động hòa giải thương mại của Bộ Tư pháp có hiệu lực; (iv) Trung tâm trọng tài có hành vi vi phạm đã bị xử phạt vi phạm hành chính liên quan đến hoạt động hòa giải thương mại theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính mà tái phạm.

2.1.2.2. Quy định về quyền và nghĩa vụ của tổ chức hoà giải thương mại

Tổ chức hoà giải thương mại có một số những quyền cơ bản như sau:

Một là, quyền cung cấp dịch vụ hoà giải.

Hai là, quyền thực hiện các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến hoà giải thương mại.

Ba là, quyền đối với hoà giải viên thương mại thuộc tổ chức mình.

Về nghĩa vụ, tổ chức hoà giải thương mại có các nghĩa vụ cơ bản sau:

Một là, nghĩa vụ đối với các bên tranh chấp. Nghị định 22/2017/NĐ-CP không tập trung quy định nghĩa vụ của tổ chức hoà giải đối với các bên tranh chấp, mà chủ yếu sẽ được căn cứ vào Quy tắc hoà giải và thoả thuận hợp đồng với các bên.

Hai là, nghĩa vụ đối với hoà giải viên thương mại. Tổ chức hoà giải có trách nhiệm trả thù lao và các chi phí khác cho hòa giải viên thương mại.

Ba là, một số nghĩa vụ khác về mặt chuyên môn trong hoạt động cung cấp dịch vụ hoà giải thương mại. Tổ chức hoà giải thương mại cần ban hành quy tắc đạo đức và ứng xử của hòa giải viên thương mại; xây dựng, ban hành và công bố công khai Quy tắc hòa giải, mức thù lao hòa giải.

2.1.3. Quy định về giải quyết tranh chấp bằng hòa giải thương mại

2.1.3.1. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp bằng hòa giải thương mại

Pháp luật Việt Nam hiện hành quy định các nguyên tắc đối với hoạt động giải quyết tranh chấp bằng hòa giải thương mại bao gồm:

Thứ nhất, nguyên tắc tự nguyện và bình đẳng về quyền và nghĩa vụ của các bên

Điều này có nghĩa là các bên tham gia vào quá trình hòa giải trên tinh thần tự nguyện, không bên nào có thể ép buộc bên nào nào tham gia vào phương thức này.

Thứ hai, nguyên tắc về tính bảo mật thông tin

Các thông tin liên quan đến việc hòa giải giải phải được giữ bí mật, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận bằng văn bản hoặc pháp luật có quy định khác. Điều này có thể hiểu là khi tham gia bào quá trình hòa giải, các bên phải có nghĩa vụ giữ bí mật thông tin mà mình được cung cấp trong quá trình hòa giải.

Thứ ba, nội dung của thỏa thuận hòa giải không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ, không xâm phạm đến quyền lợi của người thứ ba

Theo quy định thì hòa giải không vi phạm điều cấm của pháp luật sẽ quá rộng, bởi vì, hiện có rất nhiều quy định cấm thực hiện một số giao dịch được thể hiện dưới hình thức văn bản dưới luật như Pháp lệnh, Nghị định, Thông tư…

2.1.3.2. Thẩm quyền giải quyết tranh chấp bằng hòa giải thương mại

(i) Thẩm quyền theo quy định của pháp luật

Điều 2 Nghị định 22/2017/NĐ-CP có quy định các trường hợp mà các bên tranh chấp có thể sử dụng hoà giải thương mại để giải quyết các mâu thuẫn của mình bao gồm các loại tranh chấp sau: (1) Tranh chấp giữa các bên phát sinh từ hoạt động thương mại; (2) Tranh chấp giữa các bên trong đó ít nhất một bên có hoạt động thương mại; (3) Tranh chấp khác giữa các bên mà pháp luật quy định được giải quyết bằng hoà giải thương mại.

(ii) Thẩm quyền theo thỏa thuận của các bên

Nền tảng của hoà giải thương mại là việc các bên thoả thuận về việc sử dụng phương thức hoà giải trong tranh chấp thương mại. Theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 22/2017/NĐ-CP, thoả thuận hoà giải là "thoả thuận giữa các bên về việc giải quyết tranh chấp có thể phát sinh hoặc đã phát sinh bằng phương thức hòa giải".

2.1.3.3. Trình tự và thủ tục giải quyết tranh chấp bằng hòa giải thương mại

Nghị định số 22/2017/NĐ-CP của Việt Nam có quy định về trình tự thủ tục tiến hành hoà giải tại Điều 14 như sau:

1. Các bên có quyền lựa chọn Quy tắc hòa giải của tổ chức hòa giải thương mại để tiến hành hòa giải hoặc tự thỏa thuận trình tự, thủ tục hòa giải. Trường hợp các bên không có thỏa thuận về trình tự, thủ tục hòa giải thì hòa giải viên thương mại tiến hành hòa giải theo trình tự, thủ tục mà hòa giải viên thương mại thấy phù hợp với tình tiết vụ việc, nguyện vọng của các bên và được các bên chấp thuận.

2. Tranh chấp có thể do một hoặc nhiều hòa giải viên thương mại tiến hành theo thỏa thuận của các bên.

3. Tại bất kỳ thời điểm nào trong quá trình hòa giải, hòa giải viên thương mại đều có quyền đưa ra đề xuất nhằm giải quyết tranh chấp.

4. Địa điểm, thời gian hòa giải được thực hiện theo thỏa thuận của các bên hoặc theo lựa chọn của hòa giải viên thương mại trong trường hợp các bên không có thỏa thuận.

2.1.3.4. Thực hiện kết quả hòa giải thương mại

Đối với pháp luật Việt Nam, theo Nghị định số 22/2017/NĐ-CP khi đạt được kết quả hòa giải thành các bên lập văn bản về kết quả hòa giải thành. Văn bản về kết quả hòa giải thành có hiệu lực thi hành đối với các bên theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Theo đó, để công nhận kết quả hoà giải thành ngoài Toà án, các điều kiện bao gồm: (1) Các bên tham gia thỏa thuận hòa giải có đầy đủ năng lực hành vi dân sự; (2) các bên tham gia thỏa thuận hòa giải là người có quyền, nghĩa vụ đối với nội dung thỏa thuận hòa giải (trường hợp nội dung thỏa thuận hòa giải thành liên quan đến quyền, nghĩa vụ của người thứ ba thì phải được người thứ ba đồng ý); (3) một hoặc cả hai bên có đơn yêu cầu Tòa án công nhận; (4) nội dung thỏa thuận hòa giải thành của các bên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ với Nhà nước hoặc người thứ ba[4].

[4] Điều 417 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

2.1.4. Quy định về vai trò của Nhà nước đối với hòa giải thương mại

2.1.4.1. Nội dung quản lý Nhà nước đối với hoạt động hoà giải thương mại

Thứ nhất, Chính phủ giao thẩm quyền quản lý thống nhất về hoà giải thương mại cho Bộ Tư pháp.

Bộ Tư pháp là cơ quan giúp Chính phủ thực hiện thống nhất quản lý nhà nước về hòa giải thương mại trong phạm vi cả nước, có những nhóm nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Nghị định 22/2017/NĐ-CP.

Thứ hai, Chính phủ phân cấp thẩm quyền cho Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện quản lý hoà giải thương mại ở địa phương.

Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi là Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh) được phân cấp là cơ quan thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động hoà giải thương mại ở địa phương, với sự trợ giúp của Sở tư pháp.

2.1.4.2. Sự hỗ trợ của Nhà nước đối với hoạt động hoà giải thương mại

Quy định hiện hành tại Nghị định số 22/2017/NĐ-CP không phản ánh vai trò hỗ trợ của Nhà nước trong hoạt động thương mại ở cơ quan quản lý nhà nước cấp địa phương, mà chỉ thực hiện ở cấp Trung ương là Bộ Tư pháp. Theo đó, Bộ Tư pháp có trách nhiệm thực hiện các biện pháp hỗ trợ và quy hoạch tổng thể phát triển hoạt động hoà giải thương mại trong cả nước. Hai nội dung hỗ trợ cơ bản được Chính phủ giao cho Bộ Tư pháp bao gồm các nội dung hỗ trợ về thông tin, mạng lưới và phát triển nghiệp vụ hoà giải.

2.1.5. Đánh giá pháp luật về hòa giải thương mại tại các tổ chức hòa giải thương mại ở Việt Nam

2.1.5.1. Ưu điểm

Một là, Nghị định số 22/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 24/02/2017 (Nghị định 22) đã xác định khá rõ bản chất của hoạt động hoà giải thương mại

Hai là, Nghị định số 22/2017/NĐ-CP đã thể hiện được quan điểm, thái độ của Nhà nước đối với hoà giải thương mại

Ba là, Nghị định số 22/2017/NĐ-CP đã xác định được khá rõ địa vị pháp lý của chủ thể hoà giải thương mại

Bốn là, Nghị định số 22/2017/NĐ-CP đã cụ thể hoá cam kết mở cửa thị trường dịch vụ hoà giải bằng quy định về "hoạt động của tổ chức hoà giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam" tại Chương V.

Năm là, Nghị định số 22/2017/NĐ-CP có những quy định khá hợp lý về trình tự, thủ tục hoà giải thương mại làm cơ sở để các bên tranh chấp, hoà giải viên thương mại tiến hành giải quyết tranh chấp

Sáu là, Nghị định 22/2017/NĐ-CP đã có những quy định pháp lý về thực hiện kết quả hoà giải thành

2.1.5.2. Một số bất cập, hạn chế

Cùng với sự phát triển của nền kinh tế thị trường, pháp luật về hòa giải thương mại tại các tổ chức hoà giải thương mại đã có sự phát triển nhất định. Pháp luật từng bước hoàn thiện là động lực cho hoạt động hòa giải thương mại phát triển mạnh mẽ hơn nữa trong tương lai. Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm, pháp luật về hòa giải thương mại tại các tổ chức hoà giải thương mại không thể tránh khỏi những hạn chế nhất định.

Một là, về tiêu chuẩn đối với hòa giải viên thương mại

Pháp luật Việt Nam hiện nay áp dụng cả hai loại tiêu chuẩn định lượng và định tính cho việc hành nghề của hoà giải viên. Việc áp dụng cả hai tiêu chí định lượng và định tính như vậy đối với hoà giải viên hành nghề tại Việt Nam là khá khắt khe so với tiêu chuẩn áp dụng với trọng tài viên trọng tài thương mại và cũng chưa rõ ràng về chính sách đảm bảo chất lượng hoà giải viên trong mối quan hệ so sánh với pháp luật của một số quốc gia khác trên thế giới.

Hai là, về nguyên tắc giải quyết tranh chấp bằng hòa giải thương mại

Quy định tại Điều 4 Nghị định số 22/2017/NĐ-CP chưa thực sự phản ánh đầy đủ về nguyên tắc hoà giải. Các quy định này chủ yếu nhấn mạnh vào đối tượng là các bên tranh chấp, mà chưa nhấn mạnh vào nguyên tắc đối với người giải quyết tranh chấp.

Ba là, về thẩm quyền giải quyết tranh chấp bằng hòa giải thương mại

Cách quy định về phạm vi tranh chấp thuộc thẩm quyền của hòa giải thương mại theo Nghị định 22/2017/NĐ-CP hoàn toàn giống với quy định về thẩm quyền giải quyết tranh chấp của trọng tài thương mại tại Điều 2 Luật Trọng tài thương mại năm 2010. Như vậy, quy định này sẽ làm phát sinh một số vấn đề vướng mắc như sau: Một là tranh chấp phát sinh từ "hoạt động thương mại" được hiểu theo quy định nào?

Bốn là, về hợp đồng (dịch vụ) hoà giải

Một trong những điểm mà Nghị định số 22/2017/NĐ-CP chưa làm rõ là về việc ký kết hợp đồng (dịch vụ) hoà giải thương mại. Hiện nay, Nghị định này mới chỉ quy định về thoả thuận hoà giải giữa các bên (về hình thức) mà chưa có những quy định liên quan đến hợp đồng hoà giải thương mại.

Năm là, về thỏa thuận hòa giải thương mại

Các quy định pháp luật về thỏa thuận hòa giải hiện nay vẫn còn những điểm bất cập. Nghị định số 22/2017/NĐ-CP hiện nay không có quy định về điều kiện để thỏa thuận hòa giải có hiệu lực hoặc các trường hợp thỏa thuận hòa giải bị vô hiệu. Điều này sẽ gây khó khăn cho các bên trong thực tiễn thi hành.

Sáu là, về thù lao và chi phí hoà giải thương mại

Có thể thấy, Nghị định số 22/2017/NĐ-CP bám khá sát vào nguyên tắc thoả thuận trong hoạt động hoà giải. Tuy nhiên, cũng cần phải cân nhắc tới những chi phí phát sinh hợp lý khác mà hoà giải viên có thể yêu cầu các bên chi trả trong hoạt động hoà giải. *Bảy là,* về mối quan hệ giữa hoà giải thương mại và các phương thức giải quyết tranh chấp khác.

Pháp luật về hòa giải hiện nay cũng không quy định giá trị pháp lý của thỏa thuận hòa giải là có ràng buộc các bên tranh chấp trong việc giải quyết bằng phương thức này không?

Tám là, về thành lập các tổ chức hòa giải thương mại

Các quy định trong khuôn khổ Nghị định số 22/2017/NĐ-CP đã tạo hành lang pháp lý quan trọng cho sự hình thành và phát triển của hệ thống các tổ chức hòa giải thương mại. Tuy nhiên, không thể phủ nhận rằng, pháp luật về tổ chức hòa giải thương mại tại Việt Nam vẫn còn những bất cập cần phải khắc phục:

- Về chủ thể được phép thành lập Trung tâm hòa giải thương mại

- Về điều lệ của Trung tâm hòa giải thương mại
- Về thủ tục đăng ký hoạt động hòa giải thương mại

2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật về hòa giải thương mại tại các tổ chức hòa giải thương mại

2.2.1. Kết quả đạt được

Thực tiễn thực hiện pháp luật về hòa giải thương mại tại các tổ chức hòa giải thương mại trong những năm qua đã đạt được một số kết quả cụ thể như sau:

Thứ nhất, hình thành mạng lưới các tổ chức hòa giải thương mại

Thứ hai, tiến hành giải quyết một cách hiệu quả các tranh chấp phát sinh trong lĩnh vực kinh doanh thương mại

Thứ ba, phát triển các mô hình kết hợp giữa hòa giải thương mại và các phương thức giải quyết tranh chấp khác (điển hình như Trọng tài thương mại)

Thứ tư, ứng dụng công nghệ thông tin trong hòa giải thương mại

2.2.2. Những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn thực hiện pháp luật về hòa giải thương mại tại các tổ chức hòa giải thương mại và nguyên nhân

Thứ nhất, vướng mắc liên quan đến việc đăng ký hòa giải viên thương mại

Mặc dù Nghị định số 22/2017/NĐ-CP có hiệu lực đã hơn 5 năm, nhưng số lượng hòa giải viên cũng như các trung tâm hòa giải thương mại là hạn chế; nguyên nhân có thể xuất phát từ việc Nghị định số 22/2017/NĐ-CP giới hạn các đối tượng được phép thành lập trung tâm hòa giải thương mại như đã phân tích ở trên. Bên cạnh đó, một nguyên nhân khác quan trọng hơn có lẽ xuất phát từ quy định về tiêu chuẩn hành nghề đối với hòa giải viên thương mại.

Thứ hai, vướng mắc liên quan đến tính bảo mật trong hòa giải thương mại

Thực tiễn thực hiện pháp luật về hòa giải thương mại tại các tổ chức hòa giải thương mại ghi nhận một số vấn đề vướng mắc nhất định.

Một là, thực tế quy định chi tiết về "tính bảo mật" trong hòa giải thương mại chủ yếu tập trung vào chủ thể có quyền và nghĩa vụ bảo mật thông tin là hòa giải viên.

Hai là, chưa xác định rõ về phạm vi bảo mật, mọi thông tin trong hoà giải thương mại cần được giữ bí mật cả trong và sau quá trình giải quyết tranh chấp.

Ba là, Nghị định số 22/2017/NĐ-CP không hề có một quy định nào về việc xác định "các thông tin liên quan đến vụ việc hòa giải" nào có thể/không thể trở thành chứng cứ khi tranh chấp tiếp tục được giải quyết tại tòa án hoặc trọng tài.

Thứ ba, vướng mắc liên quan đến việc công nhận kết quả hòa giải thương mại thành

Theo quy định của Nghị định số 22/2017/NĐ-CP thì hình thức của kết quả hoà giải thành phải lập thành văn bản có chữ ký của các bên và hoà giải viên thương mại. Trong thực tế, nếu như các bên đã đạt được kết quả hoà giải thành, nhưng hoà giải viên hoặc một trong các hoà giải viên không ký vào văn bản kết quả hoà giải thành thì kết quả này có được coi là hợp pháp và được Toà án công nhận hay không?

TIỂU KẾT CHƯƠNG 2

Nghị định số 22/2017/NĐ-CP là văn bản pháp lý đầu tiên của Việt Nam điều chỉnh các vấn đề pháp lý liên quan đến hòa giải thương mại tại các tổ chức hòa giải thương mại. Về cơ bản, nội dung của Nghị định số 22/2017/NĐ-CP đã làm rõ được nhiều vấn đề, như: bản chất của hòa giải thương mại, các nguyên tắc giải quyết tranh chấp bằng hòa giải thương mại; xác định địa vị pháp lý của hòa giải viên cũng như tổ chức hòa giải thương mại; làm rõ quyền và nghĩa vụ cơ bản của các bên tham gia vào quan hệ hòa giải thương mại, vấn đề quản lý nhà nước trong hoạt động hoà giải. Những quy định của pháp luật về giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải đã khẳng định ý nghĩa quan trọng của hoạt động giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải.

Mặc dù đã có sự nỗ lực trong việc ban hành và xây dựng nội dung pháp lý về hoà giải thương mại tại các tổ chức hòa giải thương mại, vấn đề này vẫn còn có nhiều hạn chế. Nhà nước vẫn tập trung vào việc quy định các vấn đề về quản lý hành chính đối với tổ chức hoà giải, hoà giải viên mà chưa thực sự quan tâm tới các chính sách đảm bảo chất lượng, khuyến khích và thúc đẩy các chủ thể này cung cấp dịch vụ hoà giải cho thị trường. Do đó, để đảm bảo đúng chủ trương là tạo điều kiện và khuyến khích hòa giải thương mại phát triển, Nhà nước cần tiếp tục hoàn thiện pháp luật về hòa giải thương mại dưới cả hai góc độ xây dựng hình thức pháp luật và hoàn thiện nội dung pháp luật.

CHƯƠNG 3
ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ HÒA GIẢI THƯƠNG MẠI TẠI CÁC TỔ CHỨC HÒA GIẢI THƯƠNG MẠI Ở VIỆT NAM

3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về hòa giải thương mại tại các tổ chức hòa giải thương mại ở Việt Nam

3.1.1. Đảm bảo thực hiện đúng chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về chiến lược cải cách tư pháp và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường

Việc hoàn thiện pháp luật hoà giải thương mại nằm trong chính sách chung của Nhà nước về mục tiêu cải cách tư pháp và hoàn thiện thể chế nền kinh tế thị trường.

3.1.2. Đảm bảo phù hợp với đòi hỏi từ thực tiễn và xu thế hội nhập kinh tế quốc tế

Việc xây dựng pháp luật về hoà giải thương mại phải đáp ứng được những đòi hỏi mới trong hoạt động giải quyết tranh chấp thương mại.

3.1.3. Đảm bảo tôn trọng các nguyên tắc cơ bản trong hoạt động hoà giải thương mại

Việc xây dựng và hoàn thiện các quy định về hoà giải thương mại cần phải đảm bảo tôn trọng các nguyên tắc cơ bản trong hoạt động giải quyết tranh chấp lựa chọn nói chung, phương thức hoà giải nói riêng.

3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về hòa giải thương mại tại các tổ chức hòa giải thương mại

3.2.1. Hoàn thiện các quy định về hòa giải viên thương mại

(i) Sửa đổi quy định về điều kiện hành nghề đối với hoà giải viên thương mại

- Giản lược quy định về tiêu chuẩn hành nghề.
- Bổ sung cấm một số đối tượng trở thành hoà giải viên thương mại.
- Bỏ thủ tục đăng ký hoà giải viên vụ việc với cơ quan Nhà nước, tạo cơ chế thông thoáng và lực lượng hoà giải viên dồi dào cho thị trường.

(ii) Bổ sung các quy định về chính sách đào tạo nâng cao chất lượng hoà giải viên thương mại

(iii) Bổ sung một số quyền và nghĩa vụ của hoà giải viên thương mại.

3.2.2. Hoàn thiện các quy định về tổ chức hòa giải thương mại

(i) Mở rộng các đối tượng được thành lập trung tâm hòa giải thương mại

(ii) Bổ sung quy định về số lượng sáng lập viên tối thiểu khi thành lập trung tâm hòa giải thương mại.

(iii) Đơn giản hóa thủ tục thành lập, đăng ký hoạt động của các Trung tâm hòa giải thương mại

(iv) Bổ sung một số quy định về quyền và nghĩa vụ của tổ chức hoà giải thương mại.

3.2.3. Hoàn thiện các quy định về giải quyết tranh chấp bằng hòa giải thương mại

(i) Mở rộng thẩm quyền giải quyết tranh chấp bằng hòa giải thương mại

(ii) Bổ sung một số nguyên tắc hoà giải thương mại.

(iii) Bổ sung quy định về thỏa thuận hòa giải thương mại

(iv) Bổ sung quy định về tính bảo mật trong hòa giải thương mại

(v) Bổ sung quy định về tạm ngừng tính thời hiệu khởi kiện

(vi) Hoàn thiện quy định về công nhận kết quả hòa giải thành sau thủ tục hòa giải.

3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về hòa giải thương mại tại các tổ chức hòa giải thương mại

Thứ nhất, nâng cao nhận thức pháp luật nói chung và pháp luật về hòa giải thương mại tại các tổ chức hòa giải thương mại.

Thứ hai, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp cho các hòa giải viên thương mại.

Thứ ba, tăng cường quảng bá, giới thiệu về các lợi ích của hình thức giải quyết tranh chấp bằng hoà giải đối với các giới luật sư, trọng tài viên, doanh nghiệp, các hiệp hội ngành nghề và các thành phần khác tham gia và có liên quan tới hoạt động giải quyết tranh chấp thương mại như toà án, thẩm phán, cơ quan lập pháp.

Thứ tư, nhanh chóng tiến hành đưa vào thử nghiệm mô hình mới liên thông giữa hoà giải và trọng tài (arb-med-arb) và chỉnh sửa hoàn thiện mô hình căn cứ trên thực tiễn áp dụng, tạo thêm cơ chế mới thuận lợi giúp các doanh nghiệp, người sử dụng hoà giải có thêm lựa chọn và tin tưởng hơn vào dịch vụ này.

Thứ năm, đầu tư áp dụng công nghệ hạ tầng ODR vào hoạt động hoà giải điện tử, kết hợp với trọng tài điện tử để đem lại lựa chọn ưu việt, nhanh và chi phí thấp cho việc giải quyết các tranh chấp có giá trị nhỏ, đặc biệt là các giao dịch có nguồn gốc điện tử và các giao dịch B2B và B2C thông qua mạng xã hội.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 3

Chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về chiến lược cải cách tư pháp và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường là nền tảng quan trọng và khẳng định sự khuyến khích đối với hoà giải thương mại nói riêng, các phương thức giải quyết tranh chấp lựa chọn nói chung. Việc tiếp tục hoàn thiện pháp luật về hoà giải thương mại cũng cần bám sát các nguyên tắc cơ bản trong hoạt động hoà giải, từ đó mới đạt được mục đích phân tách giữa hoà giải với trọng tài, nhận diện rõ những ưu thế mà hoà giải mang lại cho việc giải quyết tranh chấp thương mại.

Trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay, Nhà nước cần tiếp tục đánh giá để bổ sung, sửa đổi các nội dung pháp luật cụ thể nhằm hoàn thiện quy định pháp lý về hoà giải thương mại tại các tổ chức hòa giải thương mại, với mục tiêu chung là tạo sự thông thoáng cho hoà giải thương mại, quản lý chất lượng của dịch vụ hoà giải thương mại chứ không chú trọng vào việc quản lý hành chính đối với hoà giải thương mại.

KẾT LUẬN

Hoà giải thương mại tại các tổ chức hòa giải thương mại là một bộ phận của các phương thức giải quyết tranh chấp lựa chọn, ngoài Toà án đối với các tranh chấp kinh doanh, thương mại trên thế giới và ở Việt nam. Hoà giải thương mại là một phương thức giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại, theo đó vụ tranh chấp được diễn ra theo một trình tự thủ tục có tính tự nguyện, bảo mật với sự tham gia của các bên tranh chấp và bên thứ ba trung lập (gọi là hoà giải viên) do các bên lựa chọn, hoà giải viên sử dụng kiến thức và kỹ năng để trợ giúp các bên tranh chấp có thể đạt được một thoả thuận có tính tự quyết.

Sự phát triển của cơ chế hòa giải thương mại ở Việt Nam là xu thế tất yếu trong quá trình phát triển các hoạt động kinh doanh thương mại theo xu hướng hội nhập toàn cầu. Với ưu điểm về tính mềm dẻo, linh hoạt và bảo mật, hòa giải thương mại tại các tổ chức hòa giải thương mại được xem là một trong những lựa chọn tối ưu cho các chủ thể kinh doanh khi giải quyết các tranh chấp kinh doanh thương mại trên thị trường. Để thúc đẩy hiệu quả của hoạt động hòa giải thương mại, yêu cầu tiên quyết là phải xây dựng một hành lang pháp lý vững chắc, tạo điều kiện cho các chủ thể tham gia vào quan hệ hòa giải thương mại thực hiện tốt vai trò của mình, đồng thời hỗ trợ cho quy trình hòa giải thương mại đạt được kết quả tốt nhất.

Nghị định số 22/2017/NĐ-CP được ban hành thể hiện một bước thể chế hoá chủ trương khuyến khích các phương thức giải quyết tranh chấp ngoài Toà án phát triển, đồng thời thể hiện tư duy đổi mới và hội nhập của Việt Nam trong bối cảnh hiện nay. Quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về thủ tục công nhận kết quả hoà giải thành ngoài Toà án cũng thể hiện sự đồng bộ trong hệ thống pháp luật về hoà giải thương mại nói riêng, hoà giải nói chung. Pháp luật Việt Nam hiện hành đã xây dựng được tư cách và địa vị pháp lý cho các tổ chức hoà giải thương mại, hoà giải viên thương mại, nhằm hướng tới việc chuyên nghiệp hoá loại dịch vụ hoà giải, phương thức giải quyết tranh chấp bằng hoà giải thương mại tại Việt Nam. Tuy nhiên, nội dung pháp luật trong Nghị định số 22/2017/NĐ-CP vẫn cần tiếp tục rà soát và xem xét để hoàn thiện bao gồm các quy định về tổ chức hoà giải thương mại, hoà giải viên thương mại, quy trình hoà giải thương mại, việc công nhận kết quả hoà giải thương mại.

Trong điều kiện các tranh chấp kinh doanh thương mại ngày càng gia tăng, việc hoàn thiện pháp luật về hòa giải thương mại tại các tổ chức hòa giải thương mại cũng như nâng cao hiệu quả của hoạt động là một yêu cầu tất yếu để khuyến khích sự phát triển của một phương thức giải quyết tranh chấp lựa chọn, góp phần hỗ trợ trong việc giảm thiểu áp lực đối với hệ thống cơ quan tư pháp, đồng thời tạo điều kiện cho các chủ thể an tâm trong quá trình thực hiện các hoạt động kinh doanh thương mại trên thị trường.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

A. Văn bản pháp luật

1. Bộ luật Dân sự năm 2005
2. Bộ luật Dân sự năm 2015
3. Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015
4. Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010
5. Luật Công chứng năm 2014
6. Luật Đầu tư năm 2014
7. Luật Thương mại năm 2005
8. Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2020
9. Nghị định số 22/2017/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 24/02/2017 về hoà giải thương mại
10. Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao ngày 20 tháng 03 năm 2014 hướng dẫn thi hành một số quy định Luật trọng tài thương mại

B. Công trình nghiên cứu khoa học

11. Bùi Ngọc Cường (2004), Một số vấn đề về quyền tự do kinh doanh trong pháp luật kinh tế hiện hành ở Việt Nam (Sách chuyên khảo), NXb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
12. Dương Quỳnh Hoa (2012), Xây dựng và hoàn thiện cơ chế giải quyết tranh chấp thay thế đối với các quan hệ thương mại trong giai đoạn hiện nay ở nước ta, Luận án tiến sỹ luật học, Viện Khoa học xã hội Việt Nam.
13. Dương Quỳnh Hoa (2011), Hoà giải- Một phương thức giải quyết tranh chấp thay thế, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 23(208)/2011.
14. Đại học Luật Hà Nội (2017), Giáo trình Luật thương mại- Tập 2, Nxb. Tư Pháp.
15. Hoàng Minh Khôi, Hoàng Bảo Ngọc (2015), Vấn đề bảo mật trong hoà giải thương mại ngoài Toà án, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 24 (304)/2015, tr.11-23.
16. Lê Hồng Hạnh (chủ nhiệm) (2010), Hoàn thiện pháp luật và thiết chế giải quyết tranh chấp ngoài tố tụng tư pháp, Đề tài khoa học cấp Bộ, Viện Khoa học pháp lý.
17. Nguyễn Bá Bình, Nguyễn Anh Thơ (2015), Pháp luật về hoà giải thương mại và một số khuyến nghị hoàn thiện, Tạp chí nghiên cứu lập pháp, Số 3+4 (283+284), tr.43-28.
18. Nguyễn Thị Minh (2012), Hoà giải thương mại- Thực trạng hoạt động và xu hướng phát triển tại Việt Nam, Tạp chí Dân chủ và pháp luật, Bộ Tư pháp, Số chuyên đề Pháp luật về hoà giải, tr.133-142.
19. Cao Thị Hòa (2015), Luận văn thạc sĩ "Pháp luật về hòa giải thương mại tại Việt Nam", Trường Đại học Luật Hà Nội.
20. Hà Thị Nga (2022), Luận văn thạc sĩ "Hòa giải tranh chấp thương mại trên địa bàn tỉnh Sơn La", Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.

21. Lê Nguyễn Gia Thiện, Nguyễn Thị Thùy Linh (2018), Hòa giải thương mại và thi hành thỏa thuận hòa giải thành ở Cộng hòa Liên bang Đức, Tạp chí Dân chủ và pháp luật, số 5/2018, tr. 46 - 52.

22. Lê Hương Giang (2017), Một số bình luận về Nghị định số 22/2017/NĐ-CP của Chính phủ về hòa giải thương mại, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 24/2017, tr. 45 - 52.

23. Trần Quốc Thái, Nguyễn Thị Kim Thanh (2018), Hòa giải thương mại nghiên cứu so sánh luật mẫu UNCITRIAL với pháp luật Việt Nam và kiến nghị, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 9/2018, tr. 27 - 32.

24. Toà án nhân dân Tối cao Việt Nam, Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (2014), "Tăng cường tiếp cận công lý và bảo vệ quyền tại Việt Nam- Báo cáo kết quả về khảo sát thực tiễn kết quả hoà giải tại Toà án", Báo cáo kết quả khảo sát về thực tiễn hoà giải tại Toà án, Hà Nội.

25. Trung tâm thương mại quốc tế UNCTAD/WTO, Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam dịch (2003), Trọng tài và các phương thức giải quyết tranh chấp lựa chọn.

26. Vũ Hương Giang (2015), Luận văn thạc sĩ "Pháp luật điều chỉnh hoạt động hòa giải tư pháp trong giải quyết tranh chấp thương mại tại Việt Nam", Trường Đại học Luật Hà Nội.